

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2018/HS-ST

Ngày: 07/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thành

2. Ông Mã Thanh Trung

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Kim Liêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh T.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà:** Ông Đinh Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2018/TLST- HS ngày 28 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

* Họ và tên: **Châu Lê Thanh V**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1982 tại huyện V, tỉnh V;

Nơi ĐKKHKT: Ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh V;

Chỗ ở hiện nay: 243/53/9P Tôn Đản, phường 15, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Châu Văn H (đã chết) và bà Lê Thị T, sinh năm 1962; Vợ: Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1970; Bị cáo có 01 con, sinh năm 2006;

Tiền án: 02 lần

- Ngày 13/5/2011 bị Tòa án nhân dân Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù giam về hành vi cướp giật tài sản, chấp hành xong ngày 29/4/2013;

- Ngày 09/7/2014, bị Tòa án nhân dân Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù giam về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 27/11/2016, bị cáo chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/6/2018 đến ngày 09/6/2018 sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* **Người bị hại:** Ông **Võ Văn M**, sinh năm: 1964. (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/6/2018, bị cáo Châu Lê Thanh V đi xe khách từ tỉnh V đến thành phố H. Khoảng 9 giờ cùng ngày, khi xe đến quán cơm V, ở ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T thì xe dừng lại hành khách xuống ăn, uống và nghỉ ngơi. Lúc này, bị cáo V đến ngồi trên ghế đá trước quán thì nhìn thấy xe mô tô biển số 64F1-5130 của anh Võ Văn M, là chủ quán cơm V đang để trước quán không có người trông giữ, chìa khóa xe còn gắn trên xe nên bị cáo V nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền để mua ma túy sử dụng. Bị cáo đi đến khởi động xe rồi điều khiển trên Quốc lộ 1 về hướng thành phố H. Lúc này, anh Phạm Văn T là nhân viên của quán cơm V phát hiện nên truy hô và điều khiển xe mô tô chở một nhân viên khác của quán cơm là anh Bùi Văn C đuổi theo bị cáo. Riêng anh M gọi điện thoại cho vợ là chị Võ Thị Thu V thông báo bị mất xe mô tô, lúc này chị V đang đi trên xe ô tô từ huyện C, tỉnh T đến thành phố H. Khi đến khu vực ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T, chị V phát hiện V đang điều khiển xe mô tô biển số 64F1-5130 nên kêu tài xế dừng xe ô tô chặn xe bị cáo V lại. Chị V truy hô và cùng với anh Võ Minh T, thường trú ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T và anh Cao Hoài Sĩ R, thường trú ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T là người dân gần đó bắt giữ bị cáo V, cùng tang vật và bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 64F1-5130 của bị cáo.

Vật chứng trong vụ án gồm:

- Xe mô tô Dream màu nâu biển số 64F1-5130, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Võ Văn M 11/6/2018;

- 01 điện thoại di động hiệu Hphone màu đen. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trao trả cho V ngày 06/6/2018;

Theo kết luận định giá trị tài sản số 80/KLĐG-TTHS ngày 08/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C xác định: Xe mô tô Dream màu nâu, biển số 64F1-5130 trị giá 11.200.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Võ Văn M đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo V bồi thường.

Ngoài ra, trong lúc bắt giữ bị cáo V, lực lượng Công an đã kiểm tra tài sản cá nhân của bị cáo V thu giữ: 01 túi xách màu đen, 01 bịch nylon màu trắng bên trong có 01 bịch nylon được dán kín có chứa tinh thể trong suốt, 01 nỏ thủy tinh, 01 nắp nhựa màu trắng, 01 đoạn ống nhựa màu đen, 02 quẹt gas đã qua sử dụng, 01 bơm kim tiêm, 01 bình gas mini, 01 kéo kim loại, 02 giấy nhám.

Theo bản kết luận giám định số 318/KLGD-PC54 ngày 06/7/2018 của Phòng Kỹ Thuật hình sự- Công an tỉnh V xác định mẫu tinh thể trong suốt gửi giám định có khối lượng là 32,6114 gam, không tìm thấy chất ma túy.

Tại bản Cáo trạng số: 57/CT-VKS ngày 26/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T truy tố Châu Lê Thanh V về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo: Từ 03 năm đến 04 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 túi xách màu đen; 01 phong bì niêm phong số 318/KLĐT-PC54 bên trong có chứa vỏ bao gói và 23,0311 game tinh thể trong suốt; 01 nỏ thủy tinh, 01 nắp nhựa màu trắng, 01 đoạn ống nhựa màu đen, 02 quẹt gas đã qua sử dụng, 01 bơm kim tiêm, 01 bình gas mini, 01 kéo kim loại, 02 giấy nhám.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Châu Lê Thanh V phải chịu án 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Nhưng khi bị cáo nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố tuy nhiên truy tố bị cáo theo điểm g tái phạm nguy hiểm thì bị cáo không đồng ý. Bị cáo V đã có 02 tiền án, thuộc trường hợp đã

tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội nên hành vi của bị cáo V là tái phạm nguy hiểm, đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo bị truy tố:

Bị cáo Châu Lê Thanh V là đối tượng sử dụng ma túy, khoảng tháng 5 năm 2018, bị cáo V được một người tên V ở thành phố H không biết rõ họ và địa chỉ cụ thể cho 01 bịch nylon có chứa tinh thể trong suốt nói là ma túy để đem về V sử dụng. Sau khi sử dụng, bị cáo biết đó không phải là ma túy, nên khoảng 09 giờ ngày 06/06/2018 bị cáo đem bịch nylon chứa tinh thể trong suốt đến thành phố H tìm V để trả lại, trên đường đi đến quán cơm V, ở ấp M, xã M, huyện C, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 64F1-5130, loại Dream, màu nâu của bị hại Võ Văn M trị giá 11.200.000 đồng thì bị bắt giữ.

Hành vi của bị cáo được thể hiện tại: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 06/6/2018; Biên bản sự việc về việc trộm cắp tài sản ngày 06/6/2018; Bản kết luận định giá tài sản số 80/KLĐG-TTHS ngày 08/6/2018; Biên bản mở niêm phong và giao, nhận đối tượng giám định ngày 05/7/2018; Kết luận giám định ngày 06/7/2018; Kết luận điều tra và các bản cung có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo xác định đã lợi dụng sơ hở của chủ tài sản, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 64F1-5130, loại Dream, màu nâu trị giá 11.200.000 đồng của bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành và được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên bị cáo V đã có 02 tiền án, thuộc trường hợp đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội trên nên hành vi của bị cáo V là tái phạm nguy hiểm, đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

....

g) Tái phạm nguy hiểm.”.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực

hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo V đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên hành vi của bị cáo là tái phạm nguy hiểm. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, bị cáo không bị oan sai.

Bị cáo nhận thức được hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích chiếm đoạt bằng được tài sản của người khác để tiêu xài cá nhân. Việc bị phát hiện bắt giữ xảy ra ngoài ý chí của bị cáo. Hơn nữa bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, có hai tiền án, lẽ ra sau khi có thời gian dài bị cách ly ra xã hội chịu sự quản lý giáo dục, bị cáo phải biết ăn năn, hối cải sửa chữa lỗi lầm, để trở thành người tốt và có ích cho xã hội. Nhưng bị cáo không làm được điều đó, bị cáo ra tù lại sử dụng ma túy và biết rõ mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật mà thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo gây lo ngại trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm theo quy định pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và bà nội bị cáo là bà Trần Thị S là bà mẹ Việt Nam anh hùng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có cơ sở để chấp nhận.

Trong vụ án này bị cáo đã có 02 tiền án, thuộc trường hợp đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội trên nên hành vi của bị cáo là tái phạm nguy hiểm. Nhưng đã xem xét tình tiết này định khung đối với bị cáo là tái phạm nguy hiểm, nên Hội đồng xét xử không xem xét bị cáo tái phạm nguy hiểm để tăng nặng trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Võ Văn M đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về vật chứng:

Gồm có: 01 túi xách màu đen; 01 phong bì niêm phong số 318/KLĐT-PC54 bên trong có chứa vỏ bao gói và 23,0311 game tinh thể trong suốt; 01 nỏ thủy tinh, 01 nắp nhựa màu trắng, 01 đoạn ống nhựa màu đen, 02 quẹt gas đã qua sử dụng, 01 bơm kim tiêm, 01 bình gas mini, 01 kéo kim loại, 02 giấy nhám. Xét thấy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với hành vi bị cáo V cất giữ 01 bìch nylon chứa tinh thể trong suốt có khối lượng 32,6114 gam, nhưng qua giám định không phải là chất ma túy, hơn nữa

kết quả điều tra xác định ý thức chủ quan của bị cáo biết đó không phải là chất ma túy, Cơ quan điều tra không có căn cứ nào khác để buộc tội bị cáo nên không xử lý về hành vi này.

Riêng đối tượng tên V không xác định được họ và địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C sẽ tách ra tiếp tục xác minh làm rõ, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[7] Về án phí:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Châu Lê Thanh V phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

- Xử phạt bị cáo 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 06/6/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về vật chứng vụ án:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 túi xách màu đen; 01 phong bì niêm phong số 318/KLĐT-PC54 bên trong có chứa vỏ bao gói và 23,0311 game tinh thể trong suốt; 01 nỏ thủy tinh, 01 nắp nhựa màu trắng, 01 đoạn ống nhựa màu đen, 02 quạt gas đã qua sử dụng, 01 bơm kim tiêm, 01 bình gas mini, 01 kéo kim loại, 02 giấy nhám.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/9/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C và Chi cục thi hành án dân sự huyện C).

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Châu Lê Thanh V phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/11/2018). Riêng bị hại Võ Văn M thời hạn kháng cáo tính từ ngày bị hại M nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- VKSND tỉnh T;
- TAND tỉnh T;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

